Thanh Toán Theo Hợp Đồng FIDIC 1999

Bởi Công ty Luật TNHH CNC Việt Nam

Nội dung

1. Trước khi bắt đầu
2. Tạm ứng
3. Thanh toán tạm
4. Quyết toán
5. Bảo lưu
6. Lãi suất
7. Hỏi & Đáp

Trước khi bắt đầu

01

1.1. Những định nghĩa quan trọng

Chứng Chỉ Thanh Toán Tạm (IPC)

- Chứng Chỉ Thanh Toán Tạm nghĩa là một chứng chỉ thanh toán được phát hành theo Điều 14 [*Giá Hợp Đồng và Thanh Toán*], miễn sao không bao gồm Chứng Chỉ Quyết Toán.
- Khoản 1.1.4.7, FIDIC Red Book 1999.

Chứng Chỉ Quyết Toán (FPC)

- Chứng Chỉ Quyết Toán (Quyết toán) là chứng chỉ thanh toán được phát hành theo Khoản 14.13 [*Ban Hành Chứng Chỉ Quyết Toán*].
- Khoản 1.1.4.4, FIDIC Red Book 1999.

1.2. Các mốc Thanh toán điển hình

1.3. Như vậy

- Chỉ có 2 loại Chứng chỉ Thanh toán theo Hợp Đồng FIDIC 1999.
- Chứng Chỉ Thanh Toán cho khoản tiền tạm ứng/ứng trước Hợp Đồng là
    - 1 Chứng Chỉ Thanh Toán Tạm.
    - Chứng nhận đầu tiên để xác nhận giá trị Tạm Ứng (nếu có) theo Khoản 14.2.
- Chứng Chỉ Thanh Toán nào không phải IPCs thì là FPC, và ngược lại, không có loại Chứng chỉ thanh toán nào khác.

Tạm ứng

02

2.1. Định nghĩa

Tạm ứng Hợp đồng là khoản vay (khoản giải ngân) của Chủ Đầu tư cho Nhà thầu, không tính lãi để giúp Nhà thầu có thể huy động nguồn lực_Khoản 14.2.

2.2. Tạm ứng: Cần quan tâm điều gì?

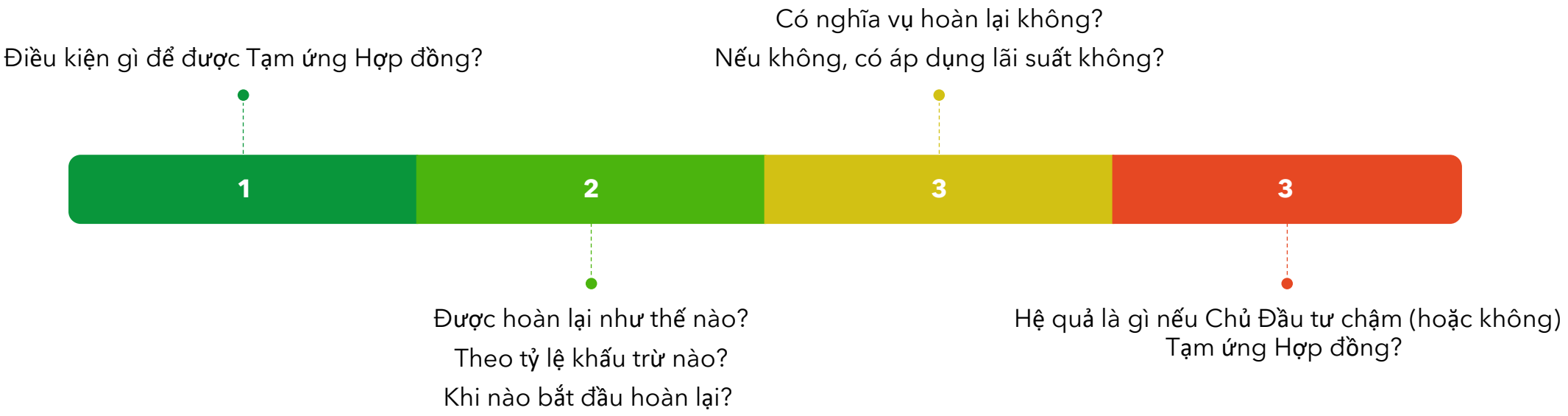

2.3. Điều kiện để Nhà thầu được tạm ứng

Có giá trị xác định

- Được nêu trong Phụ Lục Hồ Sơ Thầu (*Dữ Liệu Hợp Đồng*) về:
  - Tổng giá trị Tạm ứng.
  - Số lần Tạm ứng.
  - Thời điểm Tạm ứng
  - Đồng tiền thanh toán và Tỷ trọng

Có đảm bảo hoàn trả

- Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng.
- Bảo Lãnh Tạm Ứng Hợp Đồng.

phù hợp với quy định của Hợp Đồng.

Được xác nhận

- Nhà thầu gửi Đề nghị Thanh toán Tạm ứng.
- Tư vấn ban hành Chứng Chỉ Thanh Toán Tạm (lần đầu).

2.4. Hoàn lại Tạm ứng như thế nào

Hoàn lại

- Theo tỷ lệ phần trăm hoàn trả trong Các Chứng Chỉ Thanh Toán.

Thời điểm bắt đầu

- Tại thời điểm mà tất cả số tiền được xác nhận thanh toán tạm trong một Chứng chỉ thanh toán nào đó đã vượt quá 10%:
  - Giá Trị Hợp Đồng Được Chấp Thuận (trừ đi Tổng Tạm Tính).
  - Không bao gồm/không tín đến khoản Tạm ứng, khoản khấu trừ Tiền Bảo lưu.

Tỷ lệ hoàn lại

- Theo tỷ lệ 25% giá trị của mỗi Chứng Chỉ Thanh Toán
- Cho đến khi hoàn lại hết.

Tạm ứng Hợp đồng

2.5. Câu hỏi thảo luận

Câu 1: Nếu xảy ra 3 trường hợp sau, việc hoàn ứng sẽ được thực hiện như thế nào thì sao

01

- Chủ Đầu tư chấm dứt Hợp đồng trước hạn với Nhà thầu? (Điều 15)

02

- Nhà thầu chấm dứt với Chủ Đầu tư (Điều 16)

03

- Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng? (Điều 19)

Câu 2: Nếu

Các điều kiện Tạm ứng đã xảy ra nhưng Chủ Đầu tư chậm thực hiện Tạm ứng cho Nhà thầu:

- Nhà thầu có được tính lãi suất không?
- Các quyền và nghĩa vụ khác của Nhà thầu sẽ giải quyết như thế nào?

Thanh toán tạm

03

3.1. Thanh toán tạm: Cần quan tâm điều gì?

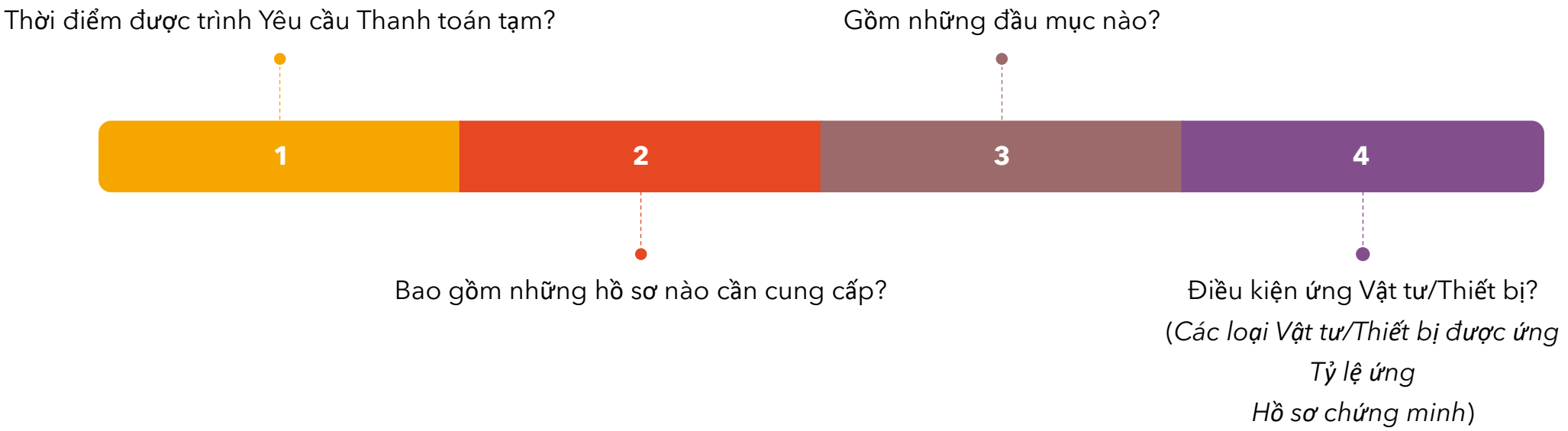

3.2. Thanh toán tạm

Thời điểm đệ trình

- Vào cuối mỗi tháng, hoặc
- Tuân thủ theo Lịch Biểu Thanh Toán đính kèm Hợp Đồng.

Hồ sơ bao gồm

- Sáu (06) bộ
- Theo mẫu được Kỹ sư/Tư vấn phê duyệt, kèm theo
- Các Tài liệu bổ trợ, và
- Báo cáo tiến độ của tháng đó.

Bao gồm đầu mục về

- Giá trị sản lượng tạm tính tới cuối tháng, bao gồm cả VO;
- Giá trị khấu trừ/cộng thêm do thay đổi luật pháp và thay đổi chi phí.
- Khấu trừ khoản bảo lưu
- Khấu trừ tạm ứng Hợp đồng
- Khấu trừ tạm ứng vật tư
- Khoản được thanh toán/khấu trừ khác (theo Điều 20) và
- Giá trị khấu trừ của IPCs trước đó.

3.3. Tạm ứng Vật tư/Thiết bị

Điều kiện tạm ứng

- Bao gồm Danh mục/sách các Vật tư/Thiết bị được tạm ứng
- Nhà thầu đã lưu giữ chứng từ cần thiết để kiểm tra
- Nhà thầu đã đệ trình Chi phí để mua và bàn giao Vật tư/Thiết bị.
- Đã đưa xuống tàu và đang chở về Công trường hoặc
- Đã lưu kho tại Công trường.

Hồ sơ chứng minh

- Đối với Vật tư/Thiết bị đã đưa xuống tàu:
  - Vận đơn/Tài liệu tương đương
  - Cước phí và bảo hiểm đã trả
  - Các tài liệu khác cần thiết
  - Bảo lãnh ngân hàng tương ứng với giá trị đề nghị tạm ứng.
- Đối với Vật tư/Thiết bị đã lưu kho:
  - Đã có biên bản nghiệm thu ban đầu Vật tư/Thiết bị đưa vào Công trường.

Tỷ lệ tạm ứng

- Do Tư vấn quyết định.
- Không quá 80% Chi phí Vật tư/Thiết bị.

Thanh toán tạm

3.4. Câu hỏi thảo luận

Câu 3: Làm rõ

01

- Tài liệu bổ trợ là gì?

02

- Cần có tài liệu nào để bổ trợ cho việc thanh toán tạm?

03

- Tư vấn cấp IPCs và/hoặc Chủ Đầu tư thanh toán theo IPC có phải là thể hiện việc chấp thuận đối với công việc đã thực hiện?

Câu 4: Nhà thầu có quyền chấm dứt Hợp đồng?

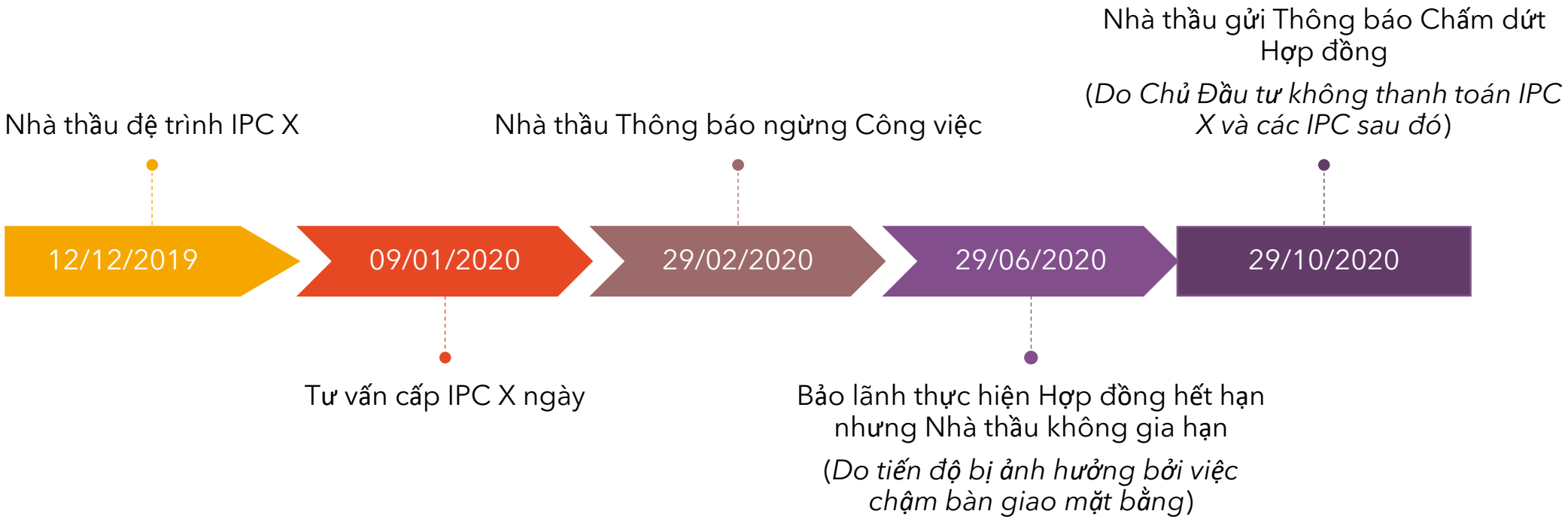

Quyết toán

04

4.1. Quyết toán: Cần quan tâm điều gì?

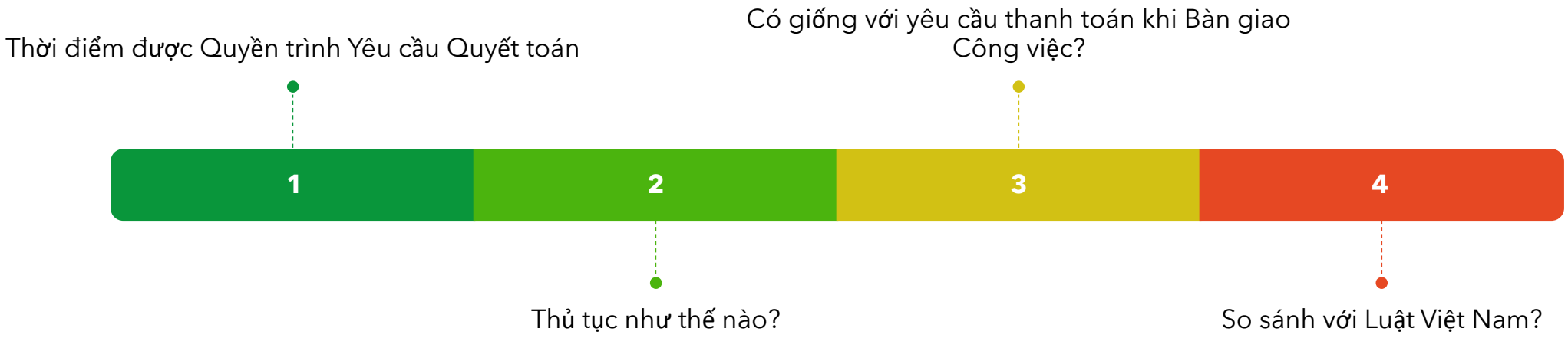

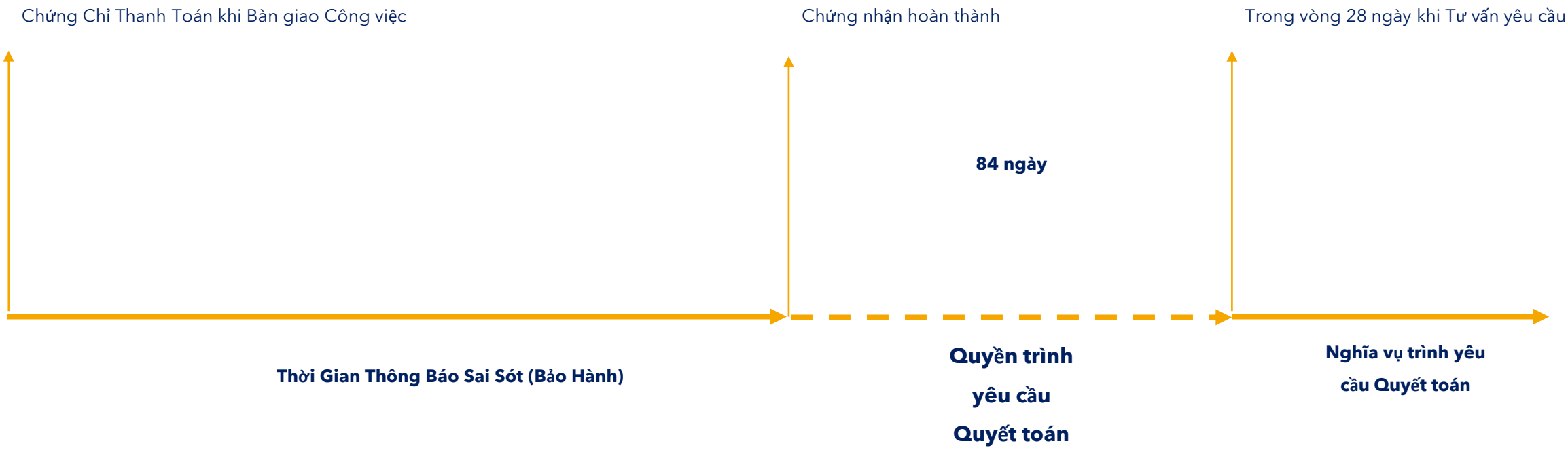

4.2. Thời điểm được Quyền trình yêu cầu Quyết toán

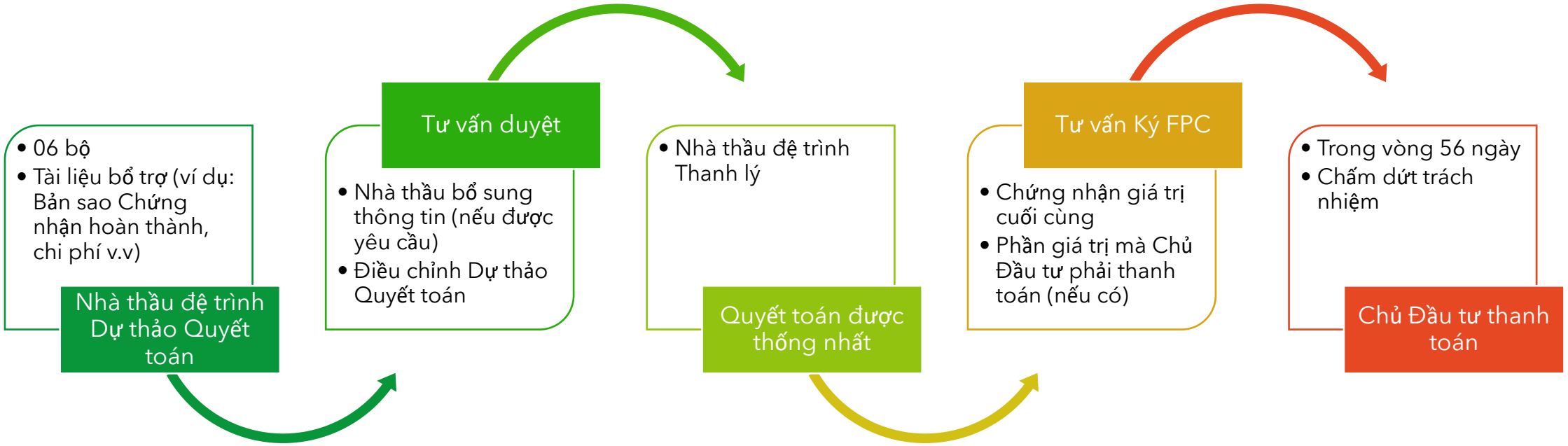

4.3. Thủ tục không có tranh chấp

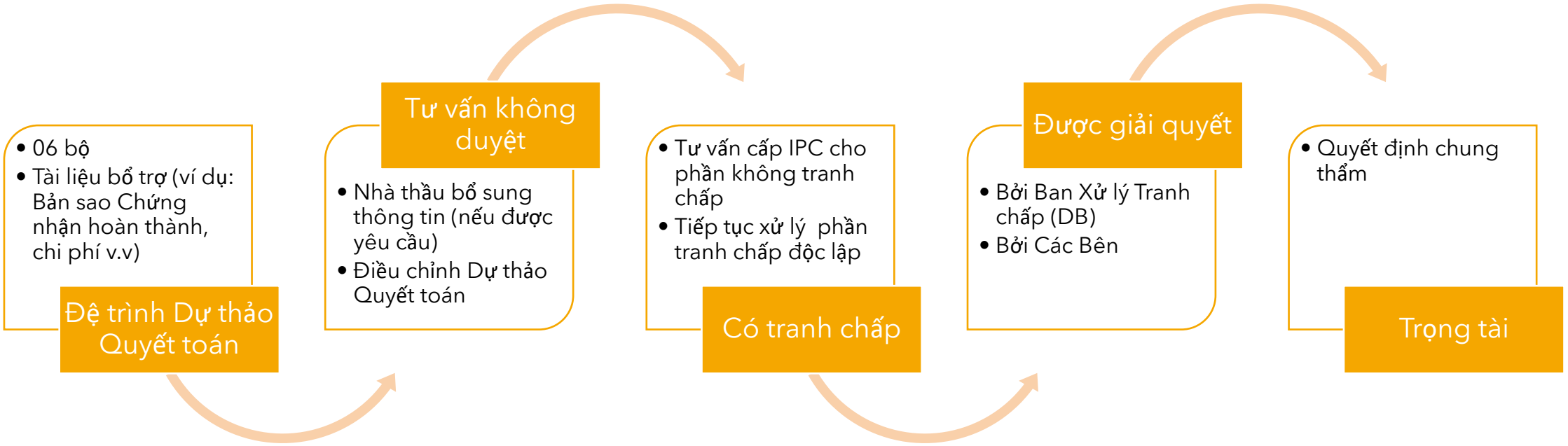

4.4. Thủ tục có tranh chấp

Quyết toán

4.5. Câu hỏi thảo luận

Câu 5: So sánh với Thanh toán khi bàn giao?

01

- Có phải là Thanh toán khi Bàn giao Công trình?

02

- Giống/Khác nhau gì?

03

- So với Luật Việt Nam?

Bảo lưu

05

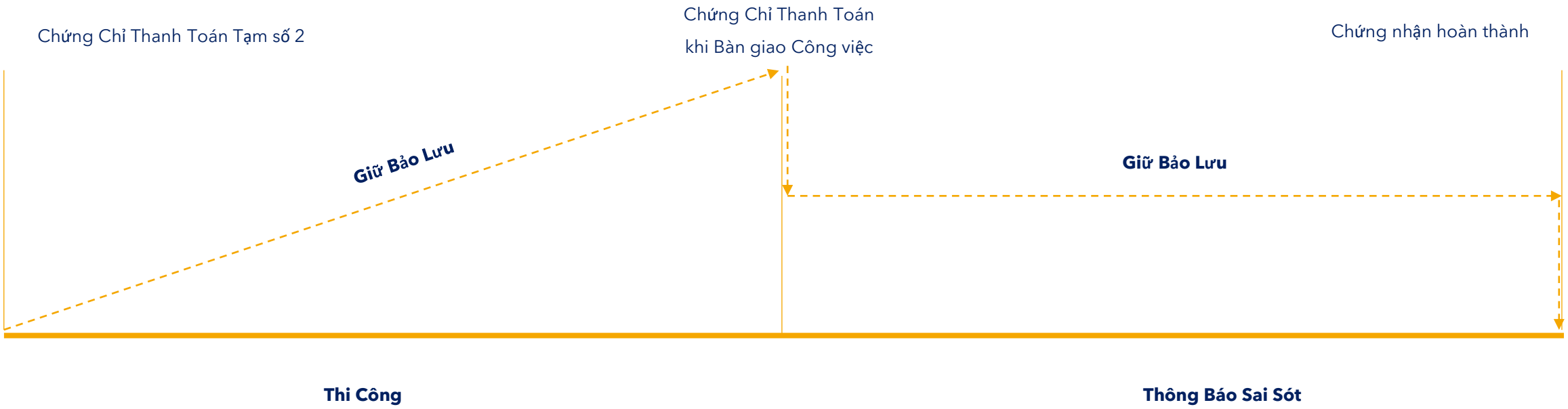

5.1. Giữ Bảo lưu và Giải tỏa Bảo lưu

Bảo lưu

5.2 Câu hỏi thảo luận

Câu 6: Số tiền giữ Bảo lưu

01

- Có đồng nghĩa với nghĩa vụ sửa chữa sai sót không?

02

- Có được tính lãi suất khi Công việc bị kéo dài bởi Chủ Đầu tư không?

03

- Có thể mở bảo lãnh ngay từ khi bắt đầu để thay thế số tiền giữ Bảo lưu không?

Lãi suất

06

6.1 Lãi suất do chậm trả

- Được tính là lãi suất kép tính theo tháng.
- Được tính dựa trên lãi suất chiết khấu của Ngân hàng Trung ương (Nhà nước) + 3% mỗi năm.
- Nhiều tranh chấp xảy ra khi lãi suất chậm trả không được quy định phù hợp (khả thi).

Hỏi & Đáp

07

7.1. Cảm ơn vì luôn lắng nghe. Bạn cần trao đổi thêm?

Liên hệ

Công ty Luật TNHH CNC Việt Nam

contact@cnccounsel.com

https://cnccounsel.com